TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Danh Hưởng**

Ông **Trần Văn Phước**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ***"Tranh chấp ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lai Thành Th, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp A, xã VPT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt A, xã VPT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lai Thành Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị M xây dựng hôn nhân năm 1987, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên đến năm 2002 ông và bà M mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống ông và bà M thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do bà M hay ghen tuông vô cớ nên ông và bà M đã ly thân hơn 02 năm nay, hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà M có hai người con chung tên Lai Minh Đ, sinh năm 1988 và Lai Thị Bích H, sinh năm 1989. Do các con chung đã thành niên và có cuộc sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà M tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lai Thành Th về thời gian xây dựng hôn nhân, thống nhất bà và ông Th có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, do ông Th có người con gái khác bên ngoài nên bà và ông Th sảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn 02 năm nay, từ lúc ly thân đến nay giữa bà và ông Th không có gặp nhau để hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc dù bà và ông Th ly thân với nhau thời gian dài nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không đồng ý ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà thống nhất với ông Th về con chung như ông Th trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông Th được ly hôn với bà thì bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông Th được ly hôn với bà, bà thống nhất với ông Th là không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà và ông Th sẽ tự thỏa thuận với nhau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Ông Th và bà M xây dựng hôn nhân năm 1987, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại ông Th cũng không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu ly hôn với bà M, bà M không đồng ý. Xét thấy ông Th và bà M mâu thuẫn trong thời gian dài, đã ly thân hơn 02 năm nhưng hai bên không có biện pháp hàn gắn lại hôn nhân. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ông Th được ly hôn với bà M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyêt. Án phí ông Th phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Lai Thành Th yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị M, bà M có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lai Thành Th và bà Lê Thị M thống nhất trình bày ông, bà xây dựng hôn nhân vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống giữa ông Th và bà M phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân hơn 02 năm, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tổ chức cho ông Th, bà M hòa giải để hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng nhưng ông Th vẫn cương quyết ly hôn với bà M, bà M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn lại hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của ông Th và bà M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th được ly hôn với bà M.

[3] Về con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th, bà M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia định ông Th phải nộp 300.000đ. Bà M không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lai Thành Th được ly hôn với bà Lê Thị M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí*:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình ông Th phải nộp 300.000đ, ông Th đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005092 ngày 08 tháng 3 năm 2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã VPT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung